

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 5 năm 2019

V/v: “Kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, về việc “Kiện xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST – HNGĐ ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường L, tổ 2, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Đỗ Tổ H, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường L, tổ 2, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: Khu tái định cư B, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh H vắng mặt.

NHẬN THẤY

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Tổ H kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, trước khi kết hôn cả hai đã có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng theo chị T là do anh H có quan hệ ngoại tình với

người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra xô sát, mắng cãi chửi nhau. Chị T đã đưa hai con chung của vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam sinh sống từ tháng 11/2018 đến nay. Anh H cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị T nghi ngờ anh ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Quá trình sống ly thân anh H đã chủ động liên lạc với chị T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, anh H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chỉ ở mức độ có thể bỏ qua cho nhau và mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Minh H1 (con trai), sinh ngày 07/4/2007 và Đỗ Bảo N (con gái), sinh ngày 18/4/2012. Hiện cả hai con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000đ. Anh H đề nghị trường hợp cô T cương quyết ly hôn thì anh xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Chị T và anh H không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh H thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Tố H. Về con chung quan điểm của chị xin nuôi cả hai con chung nhưng nguyện vọng của Đỗ Minh H1 mong muốn được ở với mẹ, Đỗ Bảo N mong muốn được ở với bố nên chị nhất trí ý kiến của các con và chị nhận nuôi con chung là Đỗ Minh H1, anh H nuôi Đỗ Bảo N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Đỗ Tố H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Tổ H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh H1 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đỗ Bảo N cho anh Đỗ Tổ H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX, thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

[3] Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Tổ H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T, HĐXX thấy:

Sau khi kết hôn chị T và anh H đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T cho rằng anh H đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ ở mức độ, có thể bỏ qua cho nhau và xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục để hàn gắn gia đình nên việc anh H mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống là không có căn cứ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T được HĐXX chấp nhận phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Đỗ Minh H1 (con trai), sinh ngày 07/4/2007 và Đỗ Bảo N (con gái), sinh ngày 18/4/2012. Các bên đương sự đều có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung. HĐXX thấy các

bên đương sự đều có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với con chung là tương đương nhau vì cả hai đều có công việc và thu nhập ổn định, thường xuyên cùng nhau quan tâm chăm sóc đến các con chung. Quá trình giải quyết vụ án các con chung của anh chị đã bày tỏ nguyện vọng nếu bố mẹ không chung sống cùng nhau thì cháu Đỗ Minh H1 xin được ở với chị T, cháu Đỗ Bảo N xin được ở với anh H. Tại phiên tòa chị T xác định để đảm bảo sự phát triển ổn định về cuộc sống của các con sau khi ly hôn nên chị nhất trí với nguyện vọng của các con chung. HĐXX thấy việc chị T đồng ý giao con chung là Đỗ Bảo N cho anh H nuôi, chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Minh H1 là phù hợp với thực tế và xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của các con chung. Vì mỗi bên nuôi một con chung nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ pháp luật nên được HĐXX chấp nhận theo các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có nên HĐXX không đề cập.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 143; 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Tổ H.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh H1 (con trai), sinh ngày 07/4/2007 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao cháu Đỗ Bảo N (con gái), sinh ngày 18/4/2012 cho anh Đỗ Tổ H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ, được đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001967 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã Văn Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

Số: 15/2019/HNGĐ-ST

Phủ Lý, ngày 17 tháng 5 năm 2019

TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về vụ án dân sự “Kiện xin ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Tổ H, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Số nhà 15B, Ngõ 390, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: Khu tái định cư Bút Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Tổ H.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh H1 (con trai), sinh ngày 07/4/2007 cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Giao cháu Đỗ Bảo N (con gái), sinh ngày 18/4/2012 cho anh Đỗ Tổ H nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ, được đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001967 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

Nơi nhận:

- Cấp cho chị Phạm Thị T.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
Thẩm phán

Nguyễn Thị Mai Oanh

